

Bản án số: 27/2024/HS-ST

Ngày 28-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Chí Thiện

Bà Hoàng Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Lành Văn T, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1988 tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu H, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Tổ N, khối C, phường V, Thành Phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 10/12; con ông: Lành Văn Kh, sinh năm: 1955 và bà Hoàng Thị V, sinh năm: 1957; vợ: vợ 1: Nguyễn Minh H, sinh năm: 1989, (đã ly hôn), vợ 2: Trần Thị Thu Tr, sinh năm: 1988 (đã ly hôn), vợ 3: Hoàng Thị H, sinh năm 1987; con: Có 02 con; tiền án; tiền sự: Không có; nhân thân: Bản án số 176/HSST ngày 06/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, phạt bổ sung 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Ngày 21/4/2014 đã chấp hành xong toàn bộ bản án (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Vi Đình Ch, sinh năm 1961, địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Vi Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Chị Lý Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu S, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Ông Lành Văn Kh, sinh năm 1955, địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Hữu A, sinh năm 1997, địa chỉ: Khu Thống Nhất, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Chị Trịnh Thị Th, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu Thống Nhất, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2023 do làm ăn kinh doanh thua lỗ, cần tiền vốn để tiếp tục kinh doanh nên Lành Văn T nảy sinh ý định bán thửa đất số 45 tờ bản đồ 40b, diện tích 475,2m² tại Khu H, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn với mục đích để chiếm đoạt tiền đặt cọc của người mua đất.

Lành Văn T bảo ông Lành Văn Kh là bố đẻ nếu có ai mua đất thì bán hộ. Ngày 18/4/2023, ông Vi Đình Ch đến nhà ông Lành Văn Kh thì ông Lành Văn Kh hỏi ông Vi Đình Ch có mua đất không. Sau khi xem đất, ông Lành Văn Kh và ông Vi Đình Ch thỏa thuận mua bán diện tích đất 89m² với chiều rộng 5,3m và chiều dài 17m, thuộc một phần thửa số 45 tờ bản đồ 40b tại Khu H, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, giá thỏa thuận là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng). Khi ông Lành Văn Kh nói lại với Lành Văn T về việc thỏa thuận bán đất cho ông Vi Đình Ch thì Lành Văn T bảo với ông Lành Văn Kh là giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) mới bán. Ngày 19/4/2023 ông Lành Văn Kh và ông Vi Đình Ch thỏa thuận lại và nhất trí với nhau về việc mua bán diện tích đất 89m² với giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Ông Vi Đình Ch đã đặt cọc trước 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), còn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) ông Vi Đình Ch sẽ thanh toán khi làm xong thủ tục chuyển nhượng. Việc làm thủ tục chuyển nhượng sẽ do Lành Văn T thực hiện vì thửa đất trên ông Lành Văn Kh đã tặng cho Lành Văn T, ông Lành Văn Kh chỉ nhận tiền đặt cọc hộ Lành Văn T.

Sử dụng hết số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền đặt cọc, do vẫn cần vốn để làm ăn nên Lành Văn T gọi điện bảo ông Vi Đình Ch chuyển thêm tiền để làm thủ tục chuyển nhượng đất. Do tin tưởng nên ngày 11 và 17/11/2023 ông Vi Đình Ch đã nhờ bà Hoàng Thị N mang thẻ ngân hàng của ông Vi Đình Ch ra cây ATM chuyển tiền vào số tài khoản 1018620463 của Lành Văn T tổng số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Mặc dù đã nhận tổng cộng 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền đặt cọc của ông Vi Đình Ch nhưng Lành Văn T không thực hiện các thủ tục để chuyển nhượng đất cho ông Vi Đình Ch theo như thỏa thuận. Cuối tháng 11 năm 2023 Lành Văn T mang giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên đến cầm cố với Nguyễn Hữu A để vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng, lãi suất 2000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, thời hạn vay 01 tháng, Nguyễn Hữu A giữ lại 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền lãi rồi đưa cho Lành Văn T 94.000.000 đồng (chín mươi tư triệu đồng). Hết thời hạn 01 tháng Lành Văn T hỏi vay thêm tiền thì Nguyễn Hữu A bảo Lành Văn T làm hợp đồng mua bán thửa đất thì mới cho vay, Lành Văn T đồng ý. Ngày 20/12/2023 Lành Văn T và Nguyễn Hữu A làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 45, tờ bản đồ 40b, diện tích 475,2m² tại bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân thị trấn N, làm thủ tục chuyển nhượng xong Nguyễn Hữu A đưa cho Lành Văn T 186.500.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) giữ lại 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Hết thời hạn vay như thỏa thuận Lành Văn T không còn khả năng thanh toán nên ngày 06/02/2024 Nguyễn Hữu A mang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đi nộp thuế và hoàn thành việc đứng tên quyền sử dụng đất.

Sau khi đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố và không có khả năng trả nợ, ngày 14/3/2024 Lành Văn T sử dụng mạng xã hội Zalo gọi cho Vi Thanh T là con trai của ông Vi Đình Ch, Lành Văn T bảo Vi Thanh T chuyển cho Lành Văn T 15.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng đất. Ngày 16/3/2024 vợ của Vi Thanh T là Lý Thị H đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của Lành Văn T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Đến cuối tháng 03 năm 2024 thấy Nguyễn Hữu A đăng thông tin bán thửa đất mà mình đã đặt cọc mua với Lành Văn T. Ông Vi Đình Ch tìm hiểu thì được biết Lành Văn T đã bán thửa đất đó cho Nguyễn Hữu A, ông Vi Đình Ch nhiều lần gặp Lành Văn T đòi lại tiền đặt cọc nhưng Lành Văn T không trả nên ông Vi Đình Ch làm đơn tố cáo Lành Văn T đến cơ quan Công an.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKS-ĐL ngày 12/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lành Văn T có hành vi phạm tội và lý lịch nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Bị hại ông Vi Đình Ch, anh Vi Thanh T và chị Lý Thị H xác nhận sự việc xảy ra đúng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho ông Vi Đình Ch số tiền đặt cọc mua bán đất. Tại phiên tòa ông Vi Đình Ch, anh Vi Thanh T và chị Lý Thị H không có yêu cầu gì thêm. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt bị cáo. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận sự việc xảy ra đúng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, không có yêu cầu và đề nghị gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lành Văn T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lành Văn T từ 32 tháng đến 36 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận xong nên không đề cập xem xét.

- Về vật chứng: Không có, nên không đề cập xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Xét thấy, việc vắng mặt của chị Trịnh Thị Th không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị Th theo quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2023 đến 16/3/2024 Lành Văn T đã có hành vi đưa ra thông tin chuyển nhượng quyền sử dụng đất để nhận tiền đặt cọc, nhưng sau khi nhận tiền đặt cọc bị cáo đã không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chiếm đoạt 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền đặt cọc của ông Vi Đình Ch và chị Lý Thị H. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lành Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Lành Văn T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền

sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo gây ra phải được xử lý trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Để có mức án phù hợp ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Ngày 06/8/2012 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền là 150.000.000 đồng; tại phiên tòa bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sau khi sự việc xảy ra giữa gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận trả lại cho ông Vi Đình Ch 150.000.000 đồng. Anh Vi Thanh T và chị Lý Thị H cũng nhất trí để cho ông Vi Đình Ch nhận số tiền mà gia đình bị cáo trả lại. Tại phiên tòa các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[14] Đối với hành vi của ông Lành Văn Kh, ông Lành Văn Kh chỉ nhận tiền đặt cọc hộ Lành Văn T, ông Lành Văn Kh không biết Lành Văn T có mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền thông qua việc bán đất, không biết Lành Văn T chuyển nhượng đất cho Nguyễn Hữu A nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với ông Lành Văn Kh là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với Nguyễn Hữu A có hành vi cho Lành Văn T cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), trong thời hạn 01 tháng, mức lãi suất cho vay chưa vượt mức lãi suất theo quy định, thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

hoặc bị kết án về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển xử lý hành chính đối với Nguyễn Hữu A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với chị Trịnh Thị Th là vợ của anh Nguyễn Hữu A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị cáo Lành Văn T. Chị Trịnh Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Trịnh Thị Th không có yêu cầu và đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, khoản 2, khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lành Văn T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lành Văn T 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/7/2024.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lành Văn T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lành Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QL, NVLQ
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Duy